TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1563/2026/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 422, Điều 472; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2026, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 333/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc "*Tranh chấp thừa kế về tài sản*".

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: A C/C L, số F Đường L, Khu phố H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: 6.01 Lô A, Chung cư P, đường F, Khu phố A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: F Liên khu 5-11-12, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/01/2026)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng H1, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: D Lô A Cư xá T, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ B Chung cư H khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: C H, Khu phố D, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1963.
Địa chỉ: 8 N, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện tại: F N, Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1958.
Địa chỉ: G Lầu A H, Khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1991.
Địa chỉ: F K, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà Nguyễn Thị Tâm T2, sinh năm 1994.
Địa chỉ: F K, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1991.
Địa chỉ: F K, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 18/4/2026)
- Bà Nguyen Kim A (Nguyễn Kim A1), sinh năm 1939.
Địa chỉ: B L, NJ H – USA.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị N, sinh năm 1955.
Địa chỉ: 94/14/9 T, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 31/12/2024)
- Ông Nguyen Kiet Q (Nguyễn Quốc K), sinh năm 1954.
Địa chỉ: H L, Newport News V - USA.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị N, sinh năm 1955.
Địa chỉ: 94/14/9 T, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/4/2025)
- Bà Pham Cathy V1 (Nguyễn Ngọc Khánh V2), sinh năm 1968.
Địa chỉ: C T, H, VA B – USA.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị N, sinh năm 1955.
Địa chỉ: 94/14/9 T, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/4/2025)
- Bà Chau Kim Yen N1 (Nguyễn Thị Kim Y), sinh năm 1951.
Địa chỉ: A A. Jackson, NJ 08527 – USA.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị N, sinh năm 1955.
Địa chỉ: 94/14/9 T, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/01/2025)
- Bà Nguyen Kim Hong T3 (Nguyễn Thị Kim H2), sinh năm 1949.
Địa chỉ: A S, H, NJ G – USA.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị N, sinh năm 1955.
Địa chỉ: 94/14/9 T, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 30/12/2024)

- Bà Nguyen Kim Huong T4 (Nguyễn Thị Kim H3), sinh năm 1953.

Địa chỉ: A Montecito P Garden Grove CA. 92840 – USA.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 94/14/9 T, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 30/12/2024)

- Bà Nguyen Kim Cuong T5 (Nguyễn Thị Kim C), sinh năm 1955

Địa chỉ: H S, B, FL C – USA.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 94/14/9 T, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/01/2025)

- Ông Nguyen H4 (Nguyễn Quốc H5), sinh năm 1957.

Địa chỉ: A C, A – USA.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 94/14/9 T, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 02/01/2025)

- Ông Nguyen Cuong H6 (Nguyễn Hùng C1), sinh năm 1960.

Địa chỉ: 6 A, Alberta T - Canada.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng H1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: D Lô A Cư xá T, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 30/6/2025)

- Ông Nguyen Phuong H7 (Nguyễn Hùng P1), sinh năm 1961.

Địa chỉ: A S Dr. H, TX G – USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng H1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: D Lô A Cư xá T, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 18/6/2025)

- Ông Nguyễn Hùng H1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: D Lô A Cư xá T, phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Kim D1

Địa chỉ: 1 đường L, Khu phố F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hoàng Đăng K1, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: 1 đường L, Khu phố F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng nhà, đất có diện tích 100, 3 m^2 thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại số C H, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ C H, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 517734; số vào sổ cấp GCN: CHO 2183 do Ủy ban

nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2019 có giá là 15.026.640.000 đồng (mười lăm tỷ, không trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên bản thoả thuận phân chia thừa kế ngày 10/02/2026 và biên bản thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp ngày 20/4/2026 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn P2, sinh năm: 1913 (chết năm 1998) và bà Lê Thị H8, sinh năm: 1916 (chết năm 1993). Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của Nguyễn Văn P2 và bà Lê Thị H8 gồm có các ông (bà) Nguyễn Kim C2 (chết năm 2022); N3 (Nguyễn Kim A1), Nguyen Kim Dung T6 (chết năm 2023); Nguyen Kim Hoa T7 (chết năm 2018); Nguyen Kim Van T8 (chết năm 2024); Chau Kim Yen N1 (Nguyễn Thị Kim Y); Nguyen Kim Hong T3 (Nguyễn Thị Kim H2); Nguyen Kim Huong T4 (Nguyễn Thị Kim H3), Nguyen Kim Cuong T5 (Nguyễn Thị Kim C), Nguyen H4 (Nguyễn Quốc H5); Nguyễn Tấn N2 (chết năm 1972).

- Xác định bà Nguyễn Thị Kim D là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Kim C2, bà Nguyễn Thị Kim D được hưởng 1 phần thừa kế số tiền 751.332.000 (bảy trăm năm mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn) đồng.

- Chia di sản di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn P2, sinh năm: 1913 (chết 1998) và bà Lê Thị H8, sinh năm: 1916, (chết năm 1993) cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có các ông (bà) Nguyễn Kim C2 (chết năm 2022); N3 (Nguyễn Kim A1), Nguyen Kim Dung T6 (chết năm 2023); Nguyen Kim Hoa T7 (chết năm 2018); Nguyen Kim Van T8 (chết năm 2024); Chau Kim Yen N1; Nguyen Kim Hong T3; Nguyen K, Nguyen K, Nguyen H4; Nguyễn Tấn N2 (chết năm 1972) và bà Nguyễn Thị Kim D là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Kim C2 được hưởng 1/9 nhà, đất có 100, 3 m^2 thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại số C H, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ C H, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 517734; số vào sổ cấp GCN: CHO 2183 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2019 có giá trị tương đương là 15.026.640.000 đồng (mười lăm tỷ, không trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Kim D được nhận quyền sử dụng nhà, đất 100,3 m^2 thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại số C H, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ C H, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 517734; số vào sổ cấp GCN: CHO 2183 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2019; sau khi có trách nhiệm chia cho những người kế thừa thứ nhất của ông P2, bà H8 gồm các ông (bà) Nguyễn Kim C2 (chết năm 2022); N3 (Nguyễn Kim A1), Nguyen Kim Dung T6 (chết năm 2023); Nguyen Kim Hoa T7 (chết năm 2018); Nguyen Kim Van T8 (chết năm 2004); Chau Kim Yen N1 (Nguyễn Thị Kim Y); Nguyen Kim Hong T3 (Nguyễn Thị Kim H2); Nguyen Kim Huong T4 (Nguyễn Thị Kim H3), Nguyen Kim Cuong T5 (Nguyễn Thị Kim C), Nguyen H4 (Nguyễn Quốc H5); Nguyễn Tấn N2 (chết năm 1972) mỗi người được hưởng di

sản thừa kế có giá trị là:

+ Ông Nguyễn Quốc T nhận số tiền 751.332.000 (bảy trăm năm mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn) đồng.

+ Ông Nguyễn Quốc V nhận số tiền 751.332.000 đồng (bảy trăm năm mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn) đồng.

+ Bà Nguyễn Kim P nhận số tiền 751.332.000 đồng (bảy trăm năm mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn) đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Tâm T2 nhận số tiền 751.332.000 (bảy trăm năm mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn) đồng.

+ Ông Nguyen Cuong H6 (Nguyễn Hùng C1) nhận số tiền 939.165.000 (chín trăm ba mươi chín triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng;

+ Ông Nguyen Phuong H7 (Nguyễn Hùng P1) nhận số tiền 939.165.000 (chín trăm ba mươi chín triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng;

+ Ông Nguyễn Hùng H1 nhận số tiền 939.165.000 (chín trăm ba mươi chín triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng;

+ Ông Nguyễn Hoàng Đăng K1 nhận số tiền 939.165.000 (chín trăm ba mươi chín triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng;

+ Bà Nguyen Kim A (Nguyễn Kim A1) nhận số tiền 626.110.000 (sáu trăm hai mươi sáu triệu, một trăm mười ngàn) đồng;

+ Bà Pham Cathy V1 (Nguyễn Ngọc Khánh V2) nhận số tiền 626.110.000 (sáu trăm hai mươi sáu triệu, một trăm mười ngàn) đồng;

+ Bà Chau Kim Yen N1 (Nguyễn Thị Kim Y) nhận số tiền 626.110.000 (sáu trăm hai mươi sáu triệu, một trăm mười ngàn) đồng;

+ Bà Nguyen Kim Hong T3 (Nguyễn Thị Kim H2 nhận số tiền 626.110.000 (sáu trăm hai mươi sáu triệu, một trăm mười ngàn) đồng;

+ Bà Nguyen Kim Huong T4 (Nguyễn Thị Kim H3) nhận số tiền 626.110.000 (sáu trăm hai mươi sáu triệu, một trăm mười ngàn) đồng;

+ Bà Nguyen Kim Cuong T5 (Nguyễn Thị Kim C) nhận số tiền 626.110.000 (sáu trăm hai mươi sáu triệu, một trăm mười ngàn) đồng;

+ Ông Nguyen H4 (Nguyễn Quốc H5) nhận số tiền 3.756.660.000 (ba tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim D thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho: Ông Nguyễn Quốc T, Ông Nguyễn Quốc V, Bà Nguyễn Kim P, Bà Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Tâm T2; Ông Nguyen Cuong H6 (Nguyễn Hùng C1), Ông Nguyen Phuong H7 (Nguyễn Hùng P1), Ông Nguyễn Hùng H1, Ông Nguyễn Hoàng Đăng K1, Bà Nguyen Kim A (Nguyễn Kim A1), Bà Pham Cathy V1 (Nguyễn Ngọc Khánh V2), Bà Chau Kim Yen N1 (Nguyễn Thị Kim Y), Bà Nguyen Kim Hong T3 (Nguyễn Thị Kim H2), Bà Nguyen Kim Huong T4 (Nguyễn Thị Kim H3), Bà Nguyen Kim Cuong T5 (Nguyễn Thị Kim C) và Ông Nguyen H4 (Nguyễn Quốc H5) trước ngày 25/7/2026.

- Bà Nguyễn Thị Kim D được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký đứng tên chủ sở hữu đối với nhà, đất 100, 3 m^2 thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại số C H, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ C H, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 517734; số vào sổ cấp GCN: CHO 2183 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2019; sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán di sản thừa kế cho những người thừa kế gồm các ông (bà) Ông Nguyễn Quốc T, Ông Nguyễn Quốc V, Bà Nguyễn Kim P, Bà Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Tâm T2; Ông Nguyen Cuong H6 (Nguyễn Hùng C1), Ông Nguyen Phuong H7 (Nguyễn Hùng P1), Ông Nguyễn Hùng H1, Ông Nguyễn Hoàng Đăng K1, Bà Nguyen Kim A (Nguyễn Kim A1), Bà Pham Cathy V1 (Nguyễn Ngọc Khánh V2), Bà Chau Kim Yen N1 (Nguyễn Thị Kim Y), Bà Nguyen Kim Hong T3 (Nguyễn Thị Kim H2), Bà Nguyen Kim Huong T4 (Nguyễn Thị Kim H3), Bà Nguyen Kim Cuong T5 (Nguyễn Thị Kim C) và Ông Nguyen H4 (Nguyễn Quốc H5).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quốc T thuộc trường hợp miễn án phí theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 14 và Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Quốc V thuộc trường hợp miễn án phí theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 14 và Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Kim P thuộc trường hợp miễn án phí theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 14 và Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Hùng H1 thuộc trường hợp miễn án phí theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 14 và Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1 chịu án phí 9.391.950 (chín triệu, ba trăm chín mươi mốt ngàn, chín trăm năm mươi) đồng;

- Bà Nguyễn Thị Tâm T2 chịu án phí 9.391.950 (chín triệu, ba trăm chín mươi mốt ngàn, chín trăm năm mươi) đồng;

- Ông Nguyen Cuong H6 (Nguyễn Hùng C1) chịu án phí 20.087.475 (hai mươi triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm) đồng;

- Ông Nguyen Phuong H7 (Nguyễn Hùng P1 chịu án phí 20.087.475 (hai mươi triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm) đồng;

- Ông Nguyễn Hoàng Đăng K1 chịu án phí 20.087.475 (hai mươi triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm) đồng;

- Bà Nguyen Kim A (Nguyễn Kim A1) chịu án phí 14.522.200 (mười bốn triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm) đồng;

- Bà Pham Cathy V1 (Nguyễn Ngọc Khánh V2) chịu án phí 14.522.200 (mười bốn triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm) đồng;

- Bà Chau Kim Yen N1 (Nguyễn Thị Kim Y) chịu án phí 14.522.200 (mười bốn triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm) đồng;

- Bà Nguyen Kim Hong T3 (Nguyễn Thị Kim H2 chịu án phí 14.522.200 (mười bốn triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm) đồng;

- Bà Nguyen Kim Huong T4 (Nguyễn Thị Kim H3) chịu án phí 14.522.200 (mười bốn triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm) đồng;

- Bà Nguyen Kim Cuong T5 (Nguyễn Thị Kim C) chịu án phí 14.522.200 (mười bốn triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm) đồng;

- Ông Nguyen H4 (Nguyễn Quốc H5) chịu án phí 53.566.600 (năm mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim D chịu án phí là 17.026.640 (Mười bảy triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phi đã nộp phí 5.555.000 (năm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) đồng theo Biên lai thu tiền số 0009571 ngày 30/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim D phải còn nộp án phí số tiền 11.471.140 (Mười một triệu, bốn trăm bảy mươi mốt ngàn, một trăm bốn mươi) đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị Kim D tự nguyện chịu.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Lưu